

Đề cương giới thiệu Luật Xử lý vi phạm hành chính

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Xử lý vi phạm hành chính nói chung và xử phạt vi phạm hành chính nói riêng là công cụ quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước nhằm duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý hành chính của Nhà nước. Đây cũng là vấn đề trực tiếp liên quan đến cuộc sống hàng ngày của nhân dân, tổ chức, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội hết sức quan tâm.

Được ban hành đầu tiên vào năm 1989, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (Pháp lệnh XLVPHC) đã từng bước được hoàn thiện góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với các vi phạm hành chính ở nước ta, bảo đảm trật tự quản lý nhà nước, an toàn xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, qua hơn 10 năm thực hiện, Pháp lệnh XLVPHC đã bộc lộ những hạn chế, bất cập đòi hỏi phải khẩn trương nghiên cứu, điều chỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn phát triển mới. Cụ thể là:

Thứ nhất, mặc dù Pháp lệnh XLVPHC năm 1989 đã qua 4 lần sửa đổi, bổ sung (1995, 2002, 2007,[1] 2008), nhưng vẫn bộc lộ hạn chế, bất cập thiếu các quy định bảo đảm tính dân chủ, tính khách quan trong việc xem xét, quyết định việc xử phạt, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác; thủ tục xử phạt chưa bảo đảm tính công khai, các hình thức xử phạt được áp dụng chưa linh hoạt.v.v..., làm giảm hiệu quả giữ gìn trật tự, kỷ cương quản lý hành chính của đất nước, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính, tội phạm trong thời kỳ mới.

Thứ hai, trong thời gian qua, một số luật chuyên ngành (như: Luật Chứng khoán, Luật Quản lý thuế, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng) đã trực tiếp quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Để góp phần giải quyết cơ bản vấn đề này đòi hỏi phải có sự đổi mới trong việc quy định về thẩm quyền, hình thức và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính ở tầm một đạo luật mang tính luật gốc, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về XLVPHC.

Thứ ba, yêu cầu “thể chế kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng, cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân...” là chủ trương lớn, xuyên suốt trong nhiều nghị quyết của Đảng, đòi hỏi Nhà nước cần phải quy phạm hóa các quyền tự do dân chủ, quyền con người bằng các quy định của một đạo luật.

Thứ tư, Pháp lệnh XLVPHC được ban hành từ năm 1989 trong bối cảnh nước ta chưa hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới; nhiều điều ước quốc tế chúng ta chưa có điều kiện gia nhập. Mặt khác, chúng ta cũng chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong các điều ước quốc tế như Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, các công ước quốc tế về quyền con người năm 1966 (Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị).

Những hạn chế, bất cập nêu trên đặt ra yêu cầu phải khẩn trương soạn thảo và ban hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC).

Luật XLVPHC được ban hành với mục tiêu nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh XLVPHC; góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương quản lý hành chính, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính, tội phạm trong thời kỳ mới; khắc phục tối đa tình trạng thiếu thống nhất và chồng chéo trong hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong các điều ước quốc tế; đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

PHẦN II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

Luật XLVPHC được xây dựng trên cơ sở bốn quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp và cải cách hành chính được xác định trong các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, theo hướng: “Hình thành cơ chế pháp lý để Chính phủ thực hiện quyền yêu cầu xem xét, xử lý bằng thủ tục tư pháp đối với mọi vi phạm nghiêm trọng được phát hiện trong quá trình quản lý, tổ chức thi hành pháp luật”, “tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng của công dân và cơ quan công quyền trước Tòa án”.

2. Quy định đầy đủ, toàn diện các vấn đề về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm kế thừa những quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm, khắc phục một cách cơ bản những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành thông qua việc tổng kết đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong những năm qua.

3. Tăng cường tính công khai, minh bạch và bảo đảm dân chủ trong trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp xử lý hành chính; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, đặc biệt là người chưa thành niên.

4. Bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu cải cách bộ máy nhà nước; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp về lĩnh vực này của các nước trong khu vực và trên thế giới.

PHẦN III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. BỐ CỤC CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Luật Xử lý vi phạm hành chính được bố cục thành 06 phần, 12 chương, 142 điều.

1. Phần thứ nhất: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 20);
2. Phần thứ hai: Xử phạt vi phạm hành chính (gồm 03 chương, 68 điều, từ Điều 21 đến Điều 88);
3. Phần thứ ba: Các biện pháp xử lý hành chính (gồm 05 chương, 30 điều từ Điều 89 đến Điều 118);
4. Phần thứ tư: Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính (gồm 2 chương, 14 điều từ Điều 119 đến Điều 132);
5. Phần thứ năm: Những quy định đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính (gồm 2 chương, 8 điều từ Điều 133 đến Điều 140)
6. Phần thứ sáu: Điều khoản thi hành (gồm 2 điều Điều 141 và Điều 142)

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Về một số nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính

Qua thực tế thi hành pháp luật về XLVPHC, các nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính được quy định trong Pháp lệnh XLVPHC năm 2002 đã được khẳng định là cần thiết và đúng đắn, do đó được tiếp tục quy định tại Luật XLVPHC. Bên cạnh đó, một số nguyên tắc mới được quy định trong Luật XLVPHC như: nguyên tắc bảo đảm công bằng, công khai, khách quan, tôn trọng quyền giải trình của cá nhân, tổ chức; nguyên tắc người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm chứng minh hành vi vi phạm bằng việc áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ việc một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính.....Để phân định mức phạt tiền giữa cá nhân và tổ chức vi phạm, phù hợp với tính chất vi phạm, một trong những nguyên tắc mới được quy định tại Luật XLVPHC là “đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân”.

Việc bổ sung những nguyên tắc này là rất cần thiết để khắc phục thực trạng cơ quan hành chính ban hành quyết định xử phạt mang tính đơn phương, áp đặt ý chí chủ quan của người có thẩm quyền xử phạt.

2. Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính

Pháp lệnh XLVPHC năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) cũng như Luật XLVPHC đã quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm hành chính được thực hiện do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi hành vi vi phạm hành chính do mình gây ra. Người chưa đủ 14 tuổi vi phạm hành chính sẽ được nhắc nhở, giáo dục tại gia đình, có nghĩa là họ không bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Đối với các đối tượng thuộc lực lượng vũ trang, Luật XLVPHC quy định mở rộng hơn: “Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác”.

Luật XLVPHC cũng quy định cụ thể hơn về trường hợp: cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính khi vi phạm hành chính trong phạm vi vùng tiếp giáp lãnh hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam (trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác); công dân, tổ chức Việt Nam vi phạm pháp luật hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật.

Bên cạnh đó, Luật XLVPHC vẫn kế thừa quy định của Pháp lệnh XLVPHC về đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là tổ chức (điểm b khoản 1 Điều 5).

3. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính và thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính

3.1. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính

a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Luật XLVPHC có bổ sung quan trọng về cách xác định thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm; đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến, Luật nhấn mạnh thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Đây là thay đổi cơ bản so với Pháp lệnh XLVPHC. Luật quy định chỉ tính lại thời hiệu trong trường hợp cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Về cơ bản, thời hiệu áp dụng các biện pháp này được giữ nguyên như Pháp lệnh XLVPHC. Điểm mới cơ bản là thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy được rút ngắn hơn so với Pháp lệnh XLVPHC, từ 06 tháng xuống 03 tháng .

3.2. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính

Luật XLVPHC quy định thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính theo hướng rút ngắn hơn so với quy định của Pháp lệnh XLVPHC: đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; đối với cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

4. Cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính

Luật XLVPHC quy định cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp tại một số điều của Luật quy định là ngày làm việc. Đây là điểm mới so với cách tính trước đây, thời gian tính theo ngày không được hiểu chung là ngày làm việc, không bao gồm ngày nghỉ. Chỉ khi Luật quy định “ngày làm việc” thì khoảng thời gian đó mới được tính là ngày làm việc, không bao gồm ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động[2].

5. Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ

Đây là các tình tiết mà người có thẩm quyền xử phạt cần đánh giá, xem xét để quyết định hình thức, mức xử phạt cho phù hợp để đảm bảo nguyên tắc công bằng trong xử phạt vi phạm hành chính, làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt phù hợp với nhân thân người vi phạm, bảo đảm việc xử phạt phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm; đồng thời khuyến khích người vi phạm thành thật khai báo... để được áp dụng hình thức, mức phạt nhẹ hơn mức phạt thông thường, ngược lại phạt nặng đối với đối tượng vi phạm nhiều lần, tái phạm, thậm chí vi phạm với quy mô lớn, có tổ chức, có tính chất côn đồ, vi phạm đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai hoặc lãng mạ, phỉ báng người thi hành công vụ, sau khi vi phạm đã cố tình che giấu hành vi vi phạm, gây khó khăn cho cơ quan, người có thẩm quyền trong việc xác minh vụ việc.

Khác với Pháp lệnh XLVPHC, Luật XLVPHC đã có bổ sung quan trọng trong việc xác định nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng để làm cơ sở xem xét xử phạt vi phạm hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực, đó là những tình tiết đã được quy định là hành vi vi phạm hành chính thì không được coi là tình tiết tăng nặng để tránh sự lúng túng của người có thẩm quyền trong quá trình áp dụng pháp luật (khoản 2 Điều 10).

6. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

Nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất Luật XLVPHC đã quy định bổ sung một điều về những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính bao gồm các vi phạm trong tình thế cấp thiết; do phòng vệ chính đáng; do sự kiện bất ngờ; do sự kiện bất khả kháng hoặc đối tượng thực hiện hành vi vi phạm không có năng lực trách nhiệm hành chính hay do chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính.

7. Những hành vi bị nghiêm cấm

Có thể nói, đây là quy định mới, tiên bộ của Luật XLVPHC mà Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính chưa đề cập tới. Để hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật, lạm quyền của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong khi thi hành công vụ, Luật cũng quy định bổ sung một điều về các hành vi bị nghiêm cấm trong xử lý vi phạm hành chính bao gồm 12 khoản, trong đó 11 khoản quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính (Điều 12 Luật XLVPHC).

B. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng

Hệ thống các hình thức xử phạt của Luật được thiết kế đa dạng, bao gồm 5 hình thức xử phạt (khoản 1 Điều 21) với nguyên tắc áp dụng linh hoạt (khoản 2 Điều 21). Bên cạnh quy định hình thức trực xuất, Luật bổ sung hai hình thức là tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Theo quy định này, Chính phủ có thể lựa chọn nhiều hình thức xử phạt khác nhau làm hình thức xử phạt chính (có thể tới 5 hình thức) hoặc các hình thức xử phạt bổ sung (có thể tới 3 hình thức) đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính để quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Luật đã tách biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép từ Pháp lệnh XLVPHC thành 2 biện pháp là buộc khôi phục tình trạng ban đầu và buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. .

Trên cơ sở rà soát các biện pháp khắc phục hậu quả chưa được Pháp lệnh XLVPHC quy định, Luật đã bổ sung các biện pháp khắc phục hậu quả mới sau đây:

- Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn.
- Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm.
- Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng.

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

Kế thừa quy định của Pháp lệnh XLVPHC, Luật vẫn giao Chính phủ có thể quy định các biện pháp khắc phục hậu quả khác đối từng hành vi vi phạm để đáp ứng sự đa dạng của thực tiễn.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

3.1. Sửa đổi, bổ sung tên các chức danh có thẩm quyền xử phạt VPHC

Luật quy định bổ sung thêm một số chức danh khác có thẩm quyền xử phạt để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước như: Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát phản ứng nhanh, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh văn hóa, tư tưởng, Trưởng phòng An ninh thông tin; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy các quận, huyện thuộc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục An ninh văn hóa, tư tưởng, Cục trưởng Cục An ninh thông tin, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa.

Luật cũng sửa đổi tên gọi của một số chức danh có thẩm quyền xử phạt theo quy định hiện hành của các văn bản có liên quan như Trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện đổi thành Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng thi hành án cấp quân khu, Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự (Luật Thi hành án dân sự năm 2008); Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Cục trưởng Cục theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường.

3.2. Bổ sung thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả mới

Luật quy định một số hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả mới so với Pháp lệnh XLVPHC như đình chỉ hoạt động có thời hạn, buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn; buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, vật phẩm; buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật; tương ứng với đó, Luật giao thẩm quyền áp dụng các hình thức xử

phạt, biện pháp khắc phục hậu quả mới cho các chức danh trên cơ sở đánh giá sự phù hợp giữa tính chất của các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả mới với nhiệm vụ quản lý nhà nước của chức danh đó.

3.3. Tăng thẩm quyền xử phạt của các chức danh cơ sở để bảo đảm hiệu quả của công tác xử phạt vi phạm hành chính

Quy định về mức phạt tiền của các chức danh từ Điều 38 đến Điều 51 của Luật XLVPHC được điều chỉnh theo hướng tăng cường phân cấp, tăng thẩm quyền xử phạt cho các chức danh cơ sở - là cấp trực tiếp phát hiện, thụ lý phần lớn các vụ việc vi phạm hành chính, nhằm nâng cao sự chủ động của các chức danh có thẩm quyền xử phạt ở cấp cơ sở, giảm tình trạng dồn việc xử phạt lên cấp trên, góp phần nâng cao tính kịp thời, thiết thực, hiệu quả của việc xử phạt vi phạm hành chính.

3.4. Thay đổi cách thức quy định về thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tiền

Để mức phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt gắn liền với các lĩnh vực quản lý nhà nước và mức phạt tối đa trong các lĩnh vực quy định tại Điều 24, Luật thay đổi cách thức quy định về thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tiền theo hướng không quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo một mức phạt tiền cố định đối với tất cả các chức danh như Pháp lệnh XLVPHC mà quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) so với các mức phạt tối đa được quy định tại Điều 24 của Luật, đồng thời có khống chế mức trần đối với một số chức danh có thẩm quyền chung hoặc xử phạt trong nhiều lĩnh vực. Việc quy định mức phạt tiền theo tỷ lệ phần trăm đối với các chức danh cụ thể trong Luật được quy định theo các tiêu chí, điều kiện sau đây:

- Thẩm quyền xử phạt tiền của từng chức danh trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước cũng được quy định dựa trên chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan đó. Luật quy định mức phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt được xác định theo “các lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật” đối với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt chung (Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, công an nhân dân, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, thanh tra) hoặc các cơ quan thực hiện chức năng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Đối với các cơ quan quản lý chuyên ngành (thuế, hải quan, kiểm lâm...), mức phạt tiền được quy định cụ thể là trong lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan, chức danh đó quy định tại Điều 24 của Luật.

- Đối với các chức danh có thẩm quyền xử phạt cấp cơ sở là chiến sĩ, cảnh sát viên, thanh tra viên, mức phạt được quy định từ 1% đến 2% mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24.

- Tùy theo cơ cấu, tổ chức của từng cơ quan/lực lượng có thẩm quyền xử phạt, mức phạt theo tỷ lệ phần trăm được chia thành các mức khác nhau từ 3% đến 50% tùy theo cấp quản lý và số lượng các chức danh có thẩm quyền xử phạt trong cơ quan/lực lượng đó. Các cơ quan/lực lượng có nhiều chức danh, nhiều cấp có thẩm quyền xử phạt như công an nhân dân, cảnh sát biển, tỷ lệ phần trăm được chia thành các mức 3%, 5%, 10%, 20%, 30%, 50% và mức tối đa, nhưng cơ quan có thẩm quyền chung có ít cấp xử phạt như: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, tỷ lệ phần trăm chỉ được quy định thành ba mức là 10%, 50% và

mức tối đa; cơ quan thanh tra, tỷ lệ phần trăm được quy định thành ba mức là 50%, 70% và mức tối đa.

- Mức phạt của người có thẩm quyền xử phạt liên kế với người có thẩm quyền phạt đến mức tối đa trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước về cơ bản được quy định là 50% mức phạt tối đa của lĩnh vực đó. Ví dụ: Thẩm quyền của Cục trưởng Cục an ninh chính trị nội bộ là phạt đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng thì cấp dưới liên kế của chức danh này là Giám đốc công an cấp tỉnh là 50% mức phạt tiền tối đa đối với lĩnh vực tương ứng.

3.5. Xác định và phân định thẩm quyền, giao quyền xử phạt

Luật bổ sung nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt tại Điều 52. Theo đó, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 2 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Luật XLVPHC đối với chức danh đó. Trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong khu vực nội thành, thì các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương quy định áp dụng trong nội thành.

Bên cạnh đó, Điều 53 Luật XLVPHC quy định trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Luật này có sự thay đổi về tên gọi thì các chức danh đó có thẩm quyền xử phạt, nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong việc áp dụng quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Về vấn đề giao quyền xử phạt, đây là quy định kế thừa từ quy định ủy quyền của Pháp lệnh XLVPHC. Luật thể hiện rõ cơ chế giao quyền theo hướng: người có thẩm quyền xử phạt có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Cấp phó được giao quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền hoặc ủy quyền cho bất kỳ cá nhân nào khác. Luật cũng quy định việc giao quyền có thể được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

4. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

4.1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản và có lập biên bản

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.

Thủ tục xử phạt có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định có thể áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân từ 250.000 đồng trở lên và áp dụng mức phạt tiền đối với tổ chức từ 500.000 đồng trở lên, áp dụng hình thức

xử phạt đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính....

4.2. Lập biên bản vi phạm hành chính

Các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục lập biên bản, biên bản vi phạm hành chính tại Điều 58 cơ bản kế thừa quy định của Điều 55 Pháp lệnh đồng thời sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung của biên bản xử phạt vi phạm hành chính và bổ sung quy định trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

4.3. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính

Đây là quy định mới so với Pháp lệnh, theo đó, Điều 59 Luật XLVPHC quy định khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh có hay không có vi phạm hành chính xảy ra trên thực tế; chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra và các tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt cũng có thể trưng cầu giám định và việc giám định phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định. Quá trình xác minh phải được thể hiện bằng văn bản để bảo đảm tính khách quan, tính chính xác của các tình tiết của vụ việc vi phạm (khoản 2 Điều 59).

4.4. Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt

Theo Điều 60 của Luật XLVPHC trình tự, thủ tục định giá được quy định theo hướng minh bạch, chặt chẽ hơn nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản của cá nhân, tổ chức vi phạm, đồng thời đề cao trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt trong quá trình giải quyết vụ việc.

Về thẩm quyền định giá, Luật quy định người có thẩm quyền tổ chức định giá là người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC bổ sung quy định cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm chi trả mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra.

4.5. Giải trình

Điều 61 của Luật XLVPHC bổ sung quy định mới về quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm và trách nhiệm của cơ quan tiến hành xử phạt phải xem xét ý kiến giải trình của người vi phạm, phải tiến hành xác minh hành vi đối tượng vi phạm trước khi ra quyết định xử phạt.

Luật XLVPHC chỉ quy định áp dụng thủ tục giải trình đối với những vi phạm có tính chất nghiêm trọng theo quy định bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc vi

phạm hành chính quy định áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm lớn, từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức.

4.6. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính

Luật XLVPHC trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh XLVPHC đã quy định cụ thể hai trường hợp thường xảy ra trong thực tiễn: trường hợp thứ nhất là cơ quan có thẩm quyền xử phạt chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 62) và trường hợp thứ hai là trường hợp cá nhân bị khởi tố, truy tố, hoặc có quyết định đưa ra xét xử nhưng sau đó lại có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, nếu vụ vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cùng tang vật, phương tiện của vụ vi phạm để cơ quan có thẩm quyền xử phạt nghiên cứu, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Điều 63). So với quy định của Pháp lệnh, Luật XLVPHC có sửa đổi, bổ sung một số quy định về trình tự thủ tục chuyển hồ sơ theo hướng minh bạch, cụ thể, chặt chẽ.

4.7. Những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Luật bổ sung một điều (Điều 65) quy định các trường hợp không ra quyết định xử phạt, bao gồm: các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 11 của Luật; không xác định được đối tượng vi phạm hành chính; hết thời hiệu xử phạt, hết thời hạn ra quyết định xử phạt; cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt và trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm.

4.8 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Về thời hạn ra quyết định xử phạt

Điều 66 Luật XLVPHC quy định về thời hạn ra quyết định xử phạt trong các trường hợp thông thường, thời hạn này được rút ngắn hơn so với quy định của Pháp lệnh. Mặt khác, Luật cũng quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về các trường hợp áp dụng thời hạn xem xét ra quyết định xử phạt 30 ngày, 60 ngày để bảo đảm áp dụng thống nhất. Theo đó, thời hạn chung đối với tất cả các trường hợp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày được áp dụng đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61; thời hạn tối đa 60 ngày chỉ được áp dụng đối với những vụ việc vi phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật XLVPHC mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ.

b) Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và nội dung quyết định xử phạt

Điều 67 của Luật bổ sung trường hợp ban hành 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính và

trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

Nội dung quyết định xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật cơ bản giống Pháp lệnh, tuy nhiên Luật XLVPHC bổ sung thêm quy định về thời hạn thi hành quyết định. Thời hạn thi hành quyết định được ghi trong quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt, hoặc có thể nhiều hơn nhưng phải được ghi rõ trong quyết định để thi hành.

5. Thi hành quyết định xử phạt

5.1. Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản

Luật quy định thủ tục thi hành quyết định xử phạt đơn giản, cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận chứng từ thu tiền phạt. Mặt khác, Luật bổ sung quy định người vi phạm có thể nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ giấy phép lái xe hoặc giấy phép lưu hành phương tiện hoặc các giấy tờ cần thiết khác cho đến khi cá nhân, tổ chức thi hành xong quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật XLVPHC .

5.2. Thi hành quyết định xử phạt có lập biên bản

a) Gửi quyết định xử phạt để thi hành

Điều 70 của Luật quy định người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm gửi quyết định xử phạt cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác để thi hành trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Mặt khác, Luật quy định cụ thể các hình thức gửi quyết định xử phạt. Quyết định có thể được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết.

b) Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính

Đây là quy định mới so với Pháp lệnh XLVPHC trên cơ sở luật hóa một số nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo vệ môi trường, thuế.... Điều 72 Luật XLVPHC bổ sung một điều quy định về thủ tục công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về quyết định xử phạt vi phạm hành chính. .

c) Thủ tục thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

* Thủ tục thi hành quyết định phạt tiền

Thủ tục thi hành quyết định phạt tiền từ Điều 76 đến Điều 79 gồm các quy định về hoãn thi hành quyết định phạt tiền; giảm, miễn tiền phạt; thủ tục nộp tiền phạt và nộp tiền phạt nhiều lần. Các quy định về hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm miễn tiền phạt (Điều 76, Điều 77) là những quy định mới so với Pháp lệnh, Luật quy định quyết định phạt

tiền có thể được hoãn thi hành đối với cá nhân bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng trở lên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định trường hợp những người này sau khi đã được xem xét, miễn thi hành quyết định phạt tiền mà vẫn không có khả năng thi hành thì có thể được xem xét giảm, miễn phần còn lại tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt (khoản 1 Điều 77). Việc hoãn thi hành quyết định xử phạt do người đã ra quyết định xử phạt xem xét quyết định, nhưng việc giảm, miễn tiền phạt phải do cấp trên trực tiếp của những người này xem xét, quyết định để tránh tiêu cực, tùy tiện trong quá trình thi hành.

* Thủ tục nộp tiền phạt

Điều 78 Luật đã quy định về việc tính thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp cho mỗi ngày chậm nộp phạt trước khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Luật cũng bổ sung quy định về nơi nộp tiền phạt, theo đó, người vi phạm có thể nộp tiền phạt vào Kho bạc Nhà nước hoặc tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thi hành quyết định.

* Nộp tiền phạt nhiều lần

Điều 79 của Luật quy định về điều kiện và thủ tục nộp tiền phạt nhiều lần, theo đó, điều kiện áp dụng quy định này đối với cá nhân là mức phạt tiền phải trên 20.000.000 đồng và đối với tổ chức phải trên 200.000.000 đồng

Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực số lần nộp tiền phạt tối đa không quá 03 lần và mức nộp phạt lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt.

* Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Về trình tự, thủ tục tịch thu (Điều 81), về cơ bản nội dung của Điều này kế thừa các quy định tại Điều 60 của Pháp lệnh XLVPHC, đồng thời bổ sung quy định xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ. Nếu người có thẩm quyền xử phạt nhận thấy tình trạng tang vật, phương tiện có thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản về những thay đổi này; biên bản phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến. Luật giao Chính phủ quy định việc quản lý và bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

Về xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (Điều 82), nội dung của Điều này được bố cục lại trên cơ sở ghép nội dung xử lý tang vật vi phạm hành chính tại Điều 46 và Điều 61 Pháp lệnh XLVPHC. Khoản 1 Điều 82 quy định cụ thể việc xử lý đối với từng loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu. Tang vật vi phạm hành chính là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải nộp vào ngân sách nhà nước; giấy tờ, tài liệu, chứng từ liên quan tới tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì chuyển cho cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản....

Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục tổ chức bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: Luật quy định cơ quan của người ra quyết định tịch thu tiến hành thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, bao gồm trung tâm, Hội đồng bán đấu giá của nhà

nước và doanh nghiệp bán đấu giá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi xảy ra hành vi vi phạm để thực hiện việc bán đấu giá; trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá thì thành lập Hội đồng để bán đấu giá (điểm đ khoản 1 Điều 82 Luật XLVPHC)

* Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt

Khoản 1 Điều 83 quy định cụ thể các khoản tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính bao gồm tiền nộp phạt vi phạm hành chính; tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền; tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác. Luật cũng bổ sung nguyên tắc, toàn bộ tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính phải nộp vào ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

* Thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả

Để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, kịp thời khắc phục các hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, Điều 85 của Luật bổ sung quy định về thủ tục thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả. Về nguyên tắc, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt như không xác định được đối tượng vi phạm hành chính; cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản mà không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả. Chi phí thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách dự phòng cấp cho cơ quan đó.

5.3. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Theo quy định của Luật XLVPHC thì cá nhân, tổ chức phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Quá thời hạn đã được quy định cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì phải bị cưỡng chế thi hành. Các biện pháp cưỡng chế bao gồm: khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm; kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản và các biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Đồng thời, Luật bổ sung thêm một số chức danh có thẩm quyền quyết định cưỡng chế như Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Cục trưởng Cục cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Chỉ huy trưởng Vùng cảnh sát biển; Cục trưởng cục thuế; Tổng cục trưởng Tổng cục thuế; Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan...

Khoản 3 Điều 88 của Luật đã quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế, theo đó, cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế; lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu; Tổ chức tín dụng nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành mở tài khoản phải giữ lại trong tài khoản của cá nhân, tổ chức đó số tiền tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp thì tổ chức tín dụng vẫn phải giữ lại và trích chuyển số tiền đó. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trích chuyển, tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của họ.

C. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Đối tượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

1.1. Đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Điều 90 của Luật quy định về đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, trong đó, mức độ vi phạm “nhiều lần” tại Pháp lệnh XLVPHC đã được quy định cụ thể tại Luật là “02 lần trở lên trong 06 tháng”.

Đối với người chưa thành niên, biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm do cố ý. Luật quy định của áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự (khoản 1 Điều 90), Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự (khoản 2 Điều 90), Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên có hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (khoản 3 Điều 90)

Theo Luật XLVPHC, đối tượng người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định sẽ được giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 6 Điều 90) thay vì đưa vào trường giáo dưỡng.

1.2. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Điều 92 của Luật hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp này. Đối với người từ đủ 12 đến dưới 14 tuổi, Luật không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự do vô ý như Pháp lệnh XLVPHC[3], chỉ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người thực hiện

hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự[4].

Luật XLVPHC cũng đã quy định cụ thể mức độ vi phạm “nhiều lần” là “02 lần trở lên trong 06 tháng”. Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng không bao gồm người chưa thành niên chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng không có nơi cư trú nhất định.

Cũng trên tinh thần nhân đạo, ngoài quy định không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người không có năng lực trách nhiệm hành chính, Luật quy định không áp dụng biện pháp này đối với người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện, phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

1.3. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (Điều 94)

Quy định về đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục về cơ bản được giữ nguyên như Pháp lệnh XLVPHC. Cũng tương tự như các biện pháp trên, mức độ “vi phạm nhiều lần” được lượng hóa là 02 lần trở lên trong 6 tháng.

1.4. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Điều 96 Luật quy định đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định. .

2. Về thẩm quyền quyết định các biện pháp xử lý hành chính

Luật quy định thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính các biện pháp xử lý hành chính hạn chế trực tiếp quyền tự do của công dân (biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc) là Tòa án nhân dân. Đây là nội dung thay đổi rất lớn so với Pháp lệnh XLVPHC. Hơn nữa, việc giao Tòa án quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nêu trên sẽ tạo điều kiện cho đương sự, luật sư, người bào chữa được tham dự để bảo vệ quyền lợi của đương sự, bảo đảm dân chủ, khách quan; phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế. Riêng thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vẫn được giao cho Chủ tịch UBND cấp xã.

3. Quy định về thủ tục lập hồ sơ, xem xét, quyết định áp dụng

3.1. Bảo đảm sự tham gia của người bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Một nội dung quan trọng mang tính cải cách lớn của Luật là cơ quan lập hồ sơ phải thông báo cho người bị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ để những người này đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết (khoản 4 Điều 97, khoản 3 Điều 99, khoản 3 Điều 101 và khoản 3 Điều 103). Trên cơ sở xem xét các tài liệu trong hồ sơ, người bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có thể chuẩn bị ý kiến đề

tự bảo vệ quyền, lợi ích của mình trong cuộc họp tư vấn trong trường hợp bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và trước Tòa án trong trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Luật quy định người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp đối tượng là người chưa thành niên), người đại diện hợp pháp của họ phải được mời tham gia cuộc họp tư vấn và phát biểu ý kiến của mình về việc áp dụng biện pháp.

3.2. Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị và thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Đối với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Luật quy định rõ về việc lập hồ sơ; bổ sung trách nhiệm của công chức tư pháp - hộ tịch trong việc kiểm tra hồ sơ và tổ chức cuộc họp tư vấn; quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, người được phân công giúp đỡ đối tượng; quy định về khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giúp đỡ, giáo dục đối tượng...

Về thủ tục lập hồ sơ đề nghị xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, do các biện pháp này sẽ được Tòa án xem xét, quyết định theo trình tự, thủ tục tư pháp, Luật quy định hồ sơ sau khi được lập sẽ được gửi đến Trưởng phòng tư pháp cấp huyện để kiểm tra tính pháp lý trước khi Trưởng công an cấp huyện hoặc Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển đến Tòa án nhân dân. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp này tại Tòa án nhân dân được giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

4. Quy định về thi hành, hoãn, miễn chấp hành, tạm đình chỉ và miễn chấp hành phần còn lại của quyết định, hết hạn chấp hành quyết định biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Thẩm quyền quyết định hoãn, miễn chấp hành, tạm đình chỉ và miễn chấp hành phần còn lại của quyết định được giao cho Tòa án nhân dân. Luật quy định đối tượng ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo mà không xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại quy định tại khoản 2 Điều 112 thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để điều trị (khoản 4 Điều 112); quy định về quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc nhằm giải quyết vướng mắc trong thực tiễn là không có cơ quan, tổ chức nào quản lý người được hoãn, miễn chấp hành những quyết định này (Điều 113); quy định đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi

trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở (khoản 3 Điều 114).

5. Các quy định khác liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Các quy định khác liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính về cơ bản được kế thừa từ Pháp lệnh XLVPHC, trừ quy định về tính thời hạn đã chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp đối tượng bị Toà án xử phạt tù. Luật quy định theo hướng có lợi hơn, cụ thể là 1,5 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù, trong khi Pháp lệnh XLVPHC quy định là 02 ngày.

D. CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Quy định chung về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính

Điều 119 quy định các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính gồm có 9 biện pháp: tạm giữ người; áp giải người vi phạm; tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề; khám người; khám phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong khoảng thời gian làm thủ tục trục xuất; giao cho gia đình, tổ chức quản lý người đang được làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính; và truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn.

Điều 120 quy định nguyên tắc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính nhấn mạnh việc áp dụng phải tuân thủ nghiêm ngặt về trình tự, thủ tục và chỉ được áp dụng trong những trường hợp thật cần thiết; việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác.

2. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính

2.1. Biện pháp tạm giữ người và thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính

Điều 122 của Luật quy định rất chặt chẽ về điều kiện áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính. Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác. Điều 122 quy định trường hợp người bị tạm giữ

trên tàu bay, tàu biển thì phải chuyển ngay cho cơ quan có thẩm quyền khi tàu bay đến sân bay, tàu biển cập cảng. Bên cạnh đó, Điều 122 của Luật cũng quy định nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính là nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính phải được bố trí tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi làm việc của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người vi phạm hành chính. Trường hợp không có nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính thì tạm giữ tại phòng trực ban hoặc phòng khác tại nơi làm việc, nhưng phải bảo đảm các quy định chung.

Về thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 123 Luật XLVPHC có quy định một số chức danh cho phù hợp với thực tiễn như Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã[5], Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Trưởng tàu khi tàu hỏa đã rời nhà ga để bảo đảm tính linh hoạt và khả thi khi áp dụng trên thực tế.

2.2. Biện pháp áp giải người vi phạm

Đây là biện pháp mới được bổ sung trong Luật (Điều 124) nhằm mục đích cưỡng chế người vi phạm trong trường hợp bị tạm giữ người theo thủ tục hành chính hoặc đưa đối tượng bỏ trốn trở lại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc do họ không tự nguyện chấp hành yêu cầu của người có thẩm quyền.

2.3. Biện pháp tạm giữ và xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính

* Về tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính:

Điều 125 Luật XLVPHC đã quy định việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt; để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội hoặc để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức xử phạt tiền. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật XLVPHC phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt, hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội hoặc quyết định xử phạt được thi hành. Trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật, sau khi nộp tiền phạt lần đầu thì người vi phạm được nhận lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính cũng là một trong những nội dung quan trọng được sửa đổi, bổ sung. Cụ thể: người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thẩm quyền tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Khoản 5 Điều 125 nhấn mạnh trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện của người ra quyết định tạm giữ. Trong trường hợp tang vật, phương tiện bị mất, bán, đánh tráo hoặc hư hỏng, mất linh kiện, thay thế thì người ra quyết định tạm

giữ tang vật, phương tiện phải chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đây là quy định mới nhằm bảo đảm tính khách quan, góp phần giảm thiểu việc khiếu nại trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính.

Việc giữ phương tiện, giấy tờ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt cũng được quy định chặt chẽ hơn. Khoản 6 Điều 125 quy định người có thẩm quyền phải tạm giữ giấy tờ, nếu không có giấy tờ thì mới tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Việc tạm giữ giấy tờ cũng phải theo thứ tự: giấy phép lái xe hoặc giấy phép lưu hành phương tiện hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến tang vật, phương tiện. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì có thể bị tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt. Khoản 7 Điều 125 khẳng định việc tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian chờ ra quyết định không làm ảnh hưởng quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức đó, thời gian bị tạm giữ không bị coi là đang bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Về thời hạn tạm giữ, Luật hạn chế tối đa thời gian tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề là 07 ngày, kể từ ngày tạm giữ. Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài đối với những vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần tiến hành xác minh nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Một nội dung quan trọng được bổ sung tại khoản 10 Điều 125, đó là quy định đối với phương tiện giao thông thuộc trường hợp bị tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt, nếu cá nhân, tổ chức vi phạm có địa chỉ rõ ràng, có nơi lưu giữ, bảo quản phương tiện hoặc có khả năng về tài chính để đặt tiền bảo lãnh thì cơ quan có thẩm quyền có thể giao cho họ giữ, bảo quản phương tiện trong thời gian bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

* Về xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

Quy định về xử lý tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính tại Điều 126 được chuyển từ quy định tại Điều 17 Pháp lệnh XLVPHC. Luật quy định đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Luật quy định trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Luật cũng nhấn mạnh, nếu chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước mà không buộc cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp khoản tiền tương đương.

Luật cũng quy định cụ thể những trường hợp phải thu phí và không thu phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản để bảo đảm tính thống nhất, công khai, minh bạch. Theo đó, người có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ chỉ phải trả chi phí lưu kho,

phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện và các khoản chi phí khác trong thời gian tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật XLVPHC (thời hạn tạm giữ là 07 ngày và tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm giữ). Không thu phí lưu kho, phí bến bãi và phí bảo quản trong thời gian tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ nếu chủ tang vật, phương tiện không có lỗi trong việc vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện.

2.4. Biện pháp khám phương tiện vận tải, đồ vật, khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Điều 128 của Luật quy định hạn chế thẩm quyền khám, chỉ những người có thẩm quyền tạm giữ người quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật XLVPHC mới có quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính. Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì tang vật vi phạm hành chính sẽ bị tẩu tán, tiêu hủy, thì chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển, chiến sĩ bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, công chức thuế, công chức hải quan, kiểm soát viên thị trường, thanh tra viên đang thi hành công vụ được khám nhưng phải báo cáo ngay cho thủ trưởng trực tiếp của mình và phải chịu trách nhiệm về việc khám. Bên cạnh đó, Luật quy định việc khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có quyết định bằng văn bản, trừ trường hợp khám ngay, mọi trường hợp khám đều phải lập biên bản và phải giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.

Quy định về biện pháp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được giữ nguyên như quy định tại Điều 49 Pháp lệnh XLVPHC.

2.5. Biện pháp quản lý đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong khoảng thời gian làm thủ tục trục xuất

Điều 130 Luật XLVPHC quy định biện pháp này chỉ được áp dụng khi có căn cứ cho rằng nếu không áp dụng thì người đó sẽ trốn tránh hoặc cản trở việc thi hành quyết định xử phạt trục xuất hoặc để ngăn chặn người đó tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Thủ trưởng Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh nơi lập hồ sơ đề nghị trục xuất ra quyết định quản lý đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật trong thời gian làm thủ tục trục xuất bằng các biện pháp như: Hạn chế việc đi lại của người bị quản lý, chỉ định chỗ ở của người bị quản lý, tạm giữ hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác thay hộ chiếu.

2.6. Biện pháp giao cho gia đình, tổ chức quản lý người đang được làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Biện pháp này được quy định áp dụng đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian người có thẩm quyền làm thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp này. Đối với đối tượng vi phạm có nơi cư trú ổn định thì giao cho gia đình quản lý; trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì giao cho tổ chức xã hội quản lý.

Điều 131 của Luật quy định rõ hơn về thời hạn quản lý, nội dung quyết định giao cho gia đình hoặc tổ chức xã hội quản lý, trách nhiệm của gia đình, tổ chức xã hội, trách nhiệm của người được quản lý và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trên cơ sở các quy định này của Luật, Chính phủ sẽ quy định chi tiết việc áp dụng biện pháp này.

2.7. Quy định về truy tìm đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn

Bên cạnh các quy định mới đã đề cập ở trên, về cơ bản quy định tại Điều 132 giữ nguyên trên cơ sở Pháp lệnh XLVPHC. Tuy nhiên, đối với người có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, nếu khi truy tìm được mà người đó đã đủ 18 tuổi thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng sẽ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Luật cũng quy định thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

E. NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính đối với NCTN vi phạm pháp luật hành chính

Điều 134 Luật XLVPHC đưa ra các nguyên tắc xử lý mới, đặc thù để áp dụng đối với vi phạm hành chính do NCTN, cụ thể là:

- Nguyên tắc việc xử lý chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất cho NCTN được áp dụng trong quá trình xử lý NCTN.

- Nguyên tắc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng chỉ được thực hiện khi xét thấy không có biện pháp xử lý khác phù hợp hơn.

- Việc áp dụng hình thức, quyết định mức xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên phải nhẹ hơn so với người thành niên có cùng hành vi vi phạm hành chính.

- Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ bí mật riêng tư của NCTN.

- Việc áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính.

2. Áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với NCTN

2.1. Áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với NCTN ít hơn người thành niên

Trên cơ sở các nguyên tắc về xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với NCTN, khoản 1 Điều 135 Luật XLVPHC quy định 3 hình thức xử phạt vi phạm hành chính áp dụng đối với NCTN là cảnh cáo; phạt tiền; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong 5 hình thức xử phạt quy định chung áp dụng đối với mọi hành vi vi phạm do cá nhân, tổ chức thực hiện quy định tại Điều 21 của Luật XLVPHC. Theo đó:

- Hình thức xử phạt cảnh cáo: Luật quy định áp dụng đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện (Điều 22 Luật XLVPHC).

- Hình thức xử phạt tiền:

Luật quy định hình thức xử phạt này không được áp dụng đối với NCTN vi phạm hành chính ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì có thể áp dụng hình thức xử phạt này. Tuy nhiên, mức tiền phạt áp dụng đối với từng hành vi vi phạm trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước do NCTN thực hiện không được áp dụng theo nguyên tắc chung như đối với người thành niên mà phải thực hiện theo nguyên tắc: “NCTN bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá 1/2 mức tiền phạt áp dụng đối với người thành niên”.

Trường hợp người chưa thành niên không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải thực hiện thay.

2.2. Chỉ áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với năng lực trách nhiệm hành chính của NCTN

Trên cơ sở cân nhắc về độ tuổi, mức độ trưởng thành và năng lực trách nhiệm hành chính của NCTN khi tham gia các quan hệ pháp luật, khoản 2 Điều 135 Luật đã quy định chỉ áp dụng 4 trong số 9 biện pháp khắc phục hậu quả đã được quy định tại Điều 28 của Luật. Bên cạnh đó, để bảo đảm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nâng cao trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của NCTN, khoản 3 Điều 134 của Luật quy định: trường hợp NCTN không có khả năng thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải thực hiện thay.

3. Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Luật XLVPHC quy định 2 biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với NCTN là biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (áp dụng chung cho cả NCTN và người thành niên) và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (chỉ áp dụng riêng đối với đối tượng là NCTN vi phạm pháp luật hành chính).

3.1. Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Khoản 1 Điều 136 Luật XLVPHC quy định: biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với NCTN vi phạm pháp luật theo quy định tại Điều 90. Theo quy định này, khi tiến hành xem xét áp dụng và thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo

dục tại xã, phường, thị trấn đối với NCTN, người có thẩm quyền bên cạnh việc phải tuân theo quy định chung về xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn còn phải tuân theo các quy định về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cụ thể là tuân thủ các nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính; tuân thủ quy định về trách nhiệm quản lý của cha mẹ hoặc người giám hộ đối với NCTN có nơi cư trú ổn định, trách nhiệm của cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em đối với NCTN không có nơi cư trú ổn định. Bên cạnh đó, Luật quy định NCTN được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác, tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng phù hợp với độ tuổi của các em.

3.2. Áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Đây là biện pháp xử lý hành chính chỉ áp dụng riêng đối với NCTN. Do vậy, các quy định về biện pháp, đối tượng, thủ tục lập hồ sơ, chuyển hồ sơ, xem xét quyết định áp dụng biện pháp, thi hành quyết định áp dụng biện pháp tại khoản 2 Điều 136 được viện dẫn tới quy định tại Phần thứ ba của Luật để tiến hành áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Cụ thể, các quy định chung về nguyên tắc xử lý, đối tượng xử lý, thời hiệu xử lý được áp dụng theo Điều 3, 5 và 6 của Luật; các quy định về biện pháp và đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được thực hiện theo Điều 91 và Điều 92 của Luật; các quy định về thủ tục lập hồ sơ đề nghị xem xét áp dụng biện pháp được thực hiện theo quy định tại Điều 99, 100 của Luật; các quy định về thẩm quyền, thủ tục xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 105 và Điều 106 của Luật; các quy định về thi hành quyết định áp dụng biện pháp được thực hiện theo Điều 107, 108, 110, 111, 112, 113, 114 của Luật và các quy định khác có liên quan đến áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được thực hiện theo Điều 115, 116, 117 của Luật XLVPHC ...

4. Các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với NCTN

4.1. Đối tượng áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính

Luật quy định đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính (xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính) được chuyển sang áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở tính chất của từng biện pháp, cụ thể:

- Đối với biện pháp nhắc nhở : Luật quy định chỉ áp dụng biện pháp này đối với NCTN vi phạm hành chính mà theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt cảnh cáo.

- Đối với biện pháp quản lý tại gia đình Luật quy định áp dụng biện pháp này đối với đối tượng là NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 3 Điều 90 của Luật XLVPHC .

4.2. Điều kiện áp dụng biện pháp thay thế xử lý xử lý vi phạm hành chính

Nhắc nhở và quản lý tại gia đình là 2 biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính mang tính xã hội, dựa vào chính đối tượng, cộng đồng và gia đình của NCTN vi phạm để

thực hiện giáo dục, quản lý đối tượng. Luật XLVPHC quy định các điều kiện bắt buộc mang tính tự nguyện để một vụ việc bị xem xét xử lý vi phạm hành chính được chuyển sang áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính có thể thực hiện được như điều kiện NCTN phải thừa nhận về hành vi vi phạm là “tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình”. Luật quy định cụ thể như sau:

- Đối với biện pháp nhắc nhở, Luật quy định được thực hiện đối với NCTN vi phạm hành chính bị xử phạt khi có đủ các điều kiện như:

+ Vi phạm hành chính theo quy định bị phạt cảnh cáo.

+ NCTN vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình.

- Đối với biện pháp quản lý tại gia đình, Luật quy định được thực hiện với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi có đủ các điều kiện như:

+ NCTN vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình.

+ NCTN có môi trường sống thuận lợi cho việc thực hiện biện pháp này.

+ Cha mẹ hoặc người giám hộ có đủ điều kiện thực hiện việc quản lý và tự nguyện nhận trách nhiệm quản lý tại gia đình.

4.3. Thẩm quyền áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính

Luật quy định giao cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có thẩm quyền xem xét chuyển sang áp dụng biện pháp thay thế, cụ thể, như đối với biện pháp nhắc nhở được giao cho người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật; đối với biện pháp quản lý tại gia đình, Luật giao cho Chủ tịch UBND cấp xã nơi có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4.4. Thủ tục xem xét áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với NCTN

- Đối với biện pháp nhắc nhở: Luật quy định trong quá trình xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt quy định tại Mục 1 Chương III Phần thứ hai của Luật, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xét thấy vi phạm hành chính do NCTN thực hiện nếu có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 139 thì quyết định áp dụng biện pháp nhắc nhở.

- Đối với biện pháp quản lý tại gia đình: Luật quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Phần thứ ba của Luật đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 90, nếu xét thấy có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Luật thì quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với đối tượng trong thời hạn từ 03 đến 06 tháng.

4.5. Thi hành biện pháp thay thế xử lý VPHC

- Đối với biện pháp nhắc nhở, Luật quy định người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quyết định áp dụng biện pháp nhắc nhở đối với NCTN. Việc nhắc nhở được thực hiện bằng lời nói, ngay tại chỗ và không phải lập thành biên bản để chỉ ra những vi phạm do NCTN thực hiện.

- Đối với biện pháp quản lý tại gia đình, sau khi Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình có hiệu lực, Chủ tịch UBND cấp xã nơi ra quyết định giao cho cha mẹ hoặc người giám hộ của NCTN để tổ chức thực hiện quyết định và phân công tổ chức, cá nhân nơi NCTN cư trú để phối hợp với gia đình trong việc tổ chức và giám sát thực hiện. Trong thời gian quản lý tại gia đình, NCTN được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác; tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng.

Ngoài ra, để bảo đảm tính răn đe và đạt được mục đích của công tác giáo dục, khoản 5 Điều 140 quy định trong thời gian quản lý tại gia đình nếu NCTN tiếp tục vi phạm pháp luật thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi ra quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp và xử lý theo quy định của pháp luật.

G. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Về hiệu lực thi hành

Luật quy định thời điểm có hiệu lực là từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định thì có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Theo đó, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các quy định liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính của Pháp lệnh XLVPHC số 44/2002/PL-UBTVQH10, Pháp lệnh số 31/2007/PL-UBTVQH11 sửa đổi một số điều của Pháp lệnh XLVPHC năm 2002 và Pháp lệnh số 04/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh XLVPHC hết hiệu lực thi hành, riêng đối với các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở chữa bệnh tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Với vai trò là cơ quan chấp hành, tổ chức thực hiện pháp luật và cơ quan xét xử, Chính phủ và Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật XLVPHC nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, bảo đảm các quy định được thực hiện nghiêm túc và thống nhất trong phạm vi cả nước.

Luật XLVPHC có phạm vi, đối tượng điều chỉnh rộng, đề việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật bảo đảm thống nhất và đồng bộ, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Luật XLVPHC.

PHẦN IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT XLVPHC

Để triển khai Luật XLVPHC các bộ, ngành, cơ quan liên quan cần tập trung thực hiện một số công việc sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến Luật XLVPHC

- Biên soạn, xuất bản sách giới thiệu về Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật XLVPHC và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao trách nhiệm, nhận thức của nhân dân và nhất là đối với đội ngũ cán bộ làm công tác xử lý vi phạm hành chính.
- Tổ chức hội nghị quán triệt triển khai Luật, đặc biệt là các nội dung mới so với Pháp lệnh hiện hành, phục vụ tích cực cho việc triển khai Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Xây dựng chuyên trang về Luật XLVPHC và tổ chức thực hiện Luật trên để cung cấp thông tin đầy đủ, toàn diện về việc triển khai Luật, đồng thời liên tục cập nhật các hoạt động mới trong quá trình triển khai Luật.
- Nghiên cứu, xây dựng một số chuyên đề về Luật XLVPHC đăng trên các tạp chí, báo để tuyên truyền, phổ biến các nội dung mang tính chuyên sâu

2. Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về Luật XLVPHC

Nghiên cứu, xây dựng và phát hành sách và tài liệu khác phục vụ công tác tập huấn chuyên sâu về Luật XLVPHC và các văn bản hướng dẫn thi hành cho cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ trực tiếp xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm khi Luật có hiệu lực thi hành sẽ được áp dụng chính xác, thống nhất trên toàn quốc.

3. Rà soát, hệ thống hóa và xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính

Ngay sau khi Luật XLVPHC được thông qua, các bộ, ngành khẩn trương tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật, lập danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Để bảo đảm Luật XLVPHC được thực thi ngay khi có hiệu lực, Chính phủ cần chỉ đạo, phân công trách nhiệm xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC, ví dụ như Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính v.v..

4. Xây dựng các đề án triển khai thi hành Luật XLVPHC

Để triển khai các quy định mới của Luật XLVPHC liên quan tới công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, bên cạnh việc xây dựng các Nghị định, Chính phủ phải chỉ đạo hình thành các Đề án để triển khai. Vì vậy, Đề án quản lý công tác thi hành pháp

luật về xử lý vi phạm hành chính và Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được khẩn trương nghiên cứu, hình thành ngay sau khi Luật được thông qua, tạo cơ sở cho các cơ quan, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.